

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / 2025 của UBND xã)

DVT: 1.000 đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KH-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó nguồn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	4	7	8	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ		384.664.144	-	42.726.906	3.046.000	15.492.263	24.188.643	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất		165.866.806	-	24.000.000	-	-	24.000.000	
I.1	Ngành, lĩnh vực: 071 - Giáo dục mầm non		5.190.003	-	2.350.000	-	-	2.350.000	
1	Đầu tư mặt bằng xây dựng điểm Trường Mầm non Bình Tường	2022	1.199.123		350.000			350.000	
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng mặt bằng trường Mầm non Bình Tường	2024	3.990.880		2.000.000			2.000.000	
I.2	Ngành, lĩnh vực: 072 - Giáo dục tiểu học		3.598.221	-	1.194.788	-	-	1.194.788	
1	Trường Tiểu học số 1 Bình Tường (Điểm Hòa Sơn)	2021	2.378.070		329.788			329.788	
2	Bê tông xi măng sân trước Trường Tiểu học điểm Hòa Sơn	2024	1.012.029		800.000			800.000	
3	Trường tiểu học Bình Tường, điểm Hòa Sơn. Hạng mục: nâng mặt bằng, Lát gạch bloc lối đi	2022	208.122		65.000			65.000	

I.3	Ngành, lĩnh vực: 073 - Giáo dục trung học cơ sở		1.205.667	-	700.000	-	-	700.000	
1	Xây dựng mới tường rào phía sau và Bê tông xi măng sân trước trường THCS Mai Xuân Thưởng	2024	1.205.667		700.000			700.000	
I.4	Ngành, lĩnh vực: 161 - Văn hóa		10.897.137	-	4.400.000	-	-	4.400.000	
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường	2022	8.815.168		3.500.000			3.500.000	
2	Bê tông xi măng sân sau Nhà Văn hóa thôn Hòa Hiệp và đầu tư lắp đặt một số dụng cụ tập luyện thể thao ngoài trời	2022	887.129		500.000			500.000	
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường. Hạng mục: Tường rào cổng ngõ; Sân bóng đá, dụng cụ thể thao ngoài trời, điện chiếu sáng, trồng cây xanh	2023	1.194.840		400.000			400.000	
I.5	Ngành, lĩnh vực: 191 - Phát thanh		1.119.158	-	400.351	-	-	400.351	
1	Lắp đặt hệ thống đài truyền thanh xã Bình Tường, huyện Tây Sơn	2021	1.119.158		400.351			400.351	
I.6	Ngành, lĩnh vực: 261 - Xử lý chất thải rắn		662.357	-	21.968	-	-	21.968	
1	Xây dựng nhà lưu chứa rác thải và bể chứa vò thuốc, bao bì sau sử dụng	2022	662.357		21.968			21.968	
I.7	Ngành, lĩnh vực: 283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi		304.796	-	4.294	-	-	4.294	
1	Kênh mương từ nhà ông khai đến nhà bà Phương	2021	304.796		4.294			4.294	
I.8	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ		26.499.958	-	4.901.107	-	-	4.901.107	
1	Đường nhà bà Bình đến nhà ông Tư	2020	1.079.115		399.965			399.965	
2	Tuyến đường Từ Mả Vôi Đen đến đường BTXM đội 1 Hòa Sơn (nội đồng)	2021	787.316		200.000			200.000	
3	Tuyến đường nhà ông Pháp đến Chợ (Liên Thôn)	2021	525.293		200.000			200.000	
4	Mở rộng mặt đường trước khu dân cư đến chợ Hòa Sơn Hạng mục: Mặt đường BTXM +Cổng hộp	2022	438.717		100.000			100.000	
5	Tuyến đường nội bộ khu dân cư Hòa Trung	2022	1.036.040		350.000			350.000	

6	Đường từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Chùng Hòa Sơn. Hạng mục: Thảm bê tông nhựa, bê tông bó vỉa, lát gạch Block vỉa hè, kè mái bê tông, hệ thống thoát nước	2022	1.581.000		700.000			700.000	
7	Mở rộng, bê tông, thảm nhựa tuyến đường từ quốc lộ 19 đến nhà ông Dũng Ký Bồ Hòa Sơn	2022	956.160		530.000			530.000	
8	Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung	2022-2024	4.056.853		150.000			150.000	
9	Mở rộng, thảm nhựa tuyến đường vào trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường	2023	1.209.078		500.000			500.000	
10	Di dời hệ thống điện trên tuyến đường và trong khuôn viên trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường	2023	515.454		300.000			300.000	
11	Xây dựng cầu qua Hòa Lộc Hạ - thôn Hòa Hiệp, xã Bình Tường	2023	390.870		250.000			250.000	
12	Nâng cấp đường xung quanh UBND xã Tây Phú. Hạng mục: Nâng cấp Bê tông nhựa	2021	1.032.577		580.000			580.000	
13	Cải tạo đường ống cấp nước đường trung tâm xã. Hạng mục: Cải tạo đường ống cấp nước	2021	269.230		100.000			100.000	
14	BTGT từ HTX lâm nghiệp đi cây Nơ	2022	1.220.472		3.032			3.032	
15	BTGT dọc mương Kiền Giang đoạn Phú Mỹ	2022	1.183.379		2.912			2.912	
16	Từ Cầu Đôi thôn Phú Thọ đi Phú Văn TT Phú Phong	2022	1.107.449		5.709			5.709	
17	BTGT từ suối Cỏ Cò đến giáp đường Bảo tàng Quang Trung - Hàm Hô	2022	1.216.112		3.466			3.466	
18	BTGT từ Gò Cây đi giáp đường Bảo tàng Quang Trung - Hàm Hô	2022	749.698		2.137			2.137	
19	BTGT từ Chùa Phước Sơn đến Mương Lộc Giang	2022	227.776		649			649	
20	Mở rộng BTXM từ nhà Trần Văn Hải đến nhà Chu Quốc Liệu	2022	484.976		1.193			1.193	
21	Mở rộng tuyến đường từ miếu Phú Thọ đến nhà văn hóa thôn Phú Thọ	2023	899.480		3.428			3.428	

22	BTGT từ cầu Hóc La đến ngã tư đường vào Gò Cây	2023	1.188.998		3.228			3.228	
23	BTGT từ tràn Lâm đến đường bê tông xóm Chuồng Gà	2022	978.117		2.853			2.853	
24	BTXM từ đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong đến gò Thủy Thuần - thôn Phú Hiệp	2023	1.334.458		4.016			4.016	
25	Nâng đất cấp phối đường từ Gò Thủy Thuần đến giáp đất Lâm nghiệp, thôn Phú Hiệp, Hạng mục: Nền, mặt đường cấp phối	2024	231.631		712			712	
26	BTXM từ nhà bà Thủy đến Chợ Tây Phú		340.012		413			413	
27	Khắc phục sạt lở núi Trang Dài, thôn Phú Lâm, xã Tây Phú		-		1.514			1.514	
28	Bê tông xi măng đoạn từ Tràn Suối Cỏ Cò đến xã Tây Xuân	2025	848.992		-			-	
29	Bê tông xi măng từ Gò Thủy Thuần đến giáp đất Lâm nghiệp	2025	610.705		505.880			505.880	
I.9	Ngành, lĩnh vực: 312 - Kiến thiết thị chính		108.632.294	-	6.752.771	-	-	6.752.771	
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tại xã Bình Tường năm 2020; Hạng mục Điểm dân cư dưới nhà Môn, thôn Hòa Sơn	2022	14.418.661		4.500.000			4.500.000	
2	Chỉnh trang vỉa hè khu trung tâm xã Bình Tường	2022	1.140.373		26.915			26.915	
3	Lát gạch Block vỉa hè dọc Quốc lộ 19, Đoạn từ Trạm y tế xã đến Nhà thuốc tây Bình Tường	2022	1.170.782		350.000			350.000	
4	Lát gạch Block vỉa hè dọc Quốc lộ 19, từ nhà thuốc tây đến cầu Bình Tường	2022	1.170.783		500.000			500.000	
5	Chỉnh trang vỉa hè, đường hoa trung tâm xã. Hạng mục: Mở rộng vỉa hè	2021	1.081.855		473.342			473.342	
6	Kè mái BTXM; BTXM mở rộng; Vỉa hè mở rộng đoạn trước trạm Y tế xã+Trước trường THCS Tây Phú+Gần cổng chào Phú Thọ	2023	414.707		102.514			102.514	
7	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh, xã Tây Phú		89.235.133		800.000			800.000	
I.10	Ngành, lĩnh vực: 321 - Thương mại		2.421.931	-	1.352.458	-	-	1.352.458	

1	Chỉnh trang khuôn viên chợ Hòa Sơn; Hạng mục: bó vỉa, lát gạch Block lối đi và bê tông xi măng mương thoát nước trước chợ	2023	1.200.556		970.458			970.458	
2	Nâng cấp, xây dựng chợ Hòa Sơn	2022	1.221.375		382.000			382.000	
I.11	Ngành, lĩnh vực: 332 - Quy hoạch		2.500.000	-	200.000	-	-	200.000	
	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Phú		2.500.000		200.000			200.000	
I.12	Ngành, lĩnh vực: 341 - Quản lý nhà nước		2.280.825	-	1.222.263	-	-	1.222.263	
1	Sân bê tông phía sau nhà làm việc UBND xã	2022	529.940		19.261			19.261	
2	Cải tạo tường rào, cổng ngõ, nhà xe, sân nền trạm y tế xã; Nhà để xe UBND; Mái hiên nhà văn hóa thôn Phú Mỹ	2023	200.431		71.212			71.212	
3	Làm nhà để xe khách và nhân dân đến liên hệ công tác tại UBND xã	2021	250.454		131.790			131.790	
4	Sửa chữa Trụ sở làm việc xã Bình Phú		1.300.000		1.000.000			1.000.000	
II.13	Ngành, lĩnh vực: 371 - Chính sách và hoạt động phục vụ		554.459	-	500.000	-	-	500.000	
1	Nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Tường	2023	325.399		300.000			300.000	
2	Xây dựng sân bê tông, bồn hoa, trồng cây xanh khu vực nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ	2024	229.060		200.000			200.000	
II	Nguồn tăng thu ngân sách xã năm 2024		1.742.573	-	188.643	-	-	188.643	-
II.1	Ngành, lĩnh vực: 341 - Quản lý nhà nước		674.341	-	12.273	-	-	12.273	
1	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Tây Phú, Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, Lát gạch Block vỉa hè	2023	674.341		12.273			12.273	
II.2	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ		1.068.232	-	176.370			176.370	
1	Ngõ Dụ đến Cầu Đôi	2023	379.871		26.370			26.370	
2	Nâng cấp xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phú Mỹ	2021	688.361		150.000			150.000	
III	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		11.786.721	-	1.912.000	-	1.912.000		-
III.1	Ngành, lĩnh vực: 161 - Văn hóa		8.837.000		694.000		694.000		
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường.	2023	8.837.000		694.000		694.000		

III.2	Ngành, lĩnh vực: 321 - Thương mại		1.200.556		524.000		524.000		
1	Chỉnh trang khuôn viên chợ Hòa Sơn; Hạng mục: bó vỉa, lát gạch Block lối đi và bê tông xi măng mương thoát nước trước chợ	2023	1.200.556		524.000		524.000		
III.3	Ngành, lĩnh vực: 312 - Kiến thiết thị chính		414.707		210.000		210.000		
1	Kè mái BTXM; BTXM mở rộng; vỉa hè mở rộng đoạn trước trạm Y tế xã + trước trường THCS Tây Phú + gần cổng chào Phú Thọ		414.707		210.000		210.000		
III.4	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ		1.334.458	-	484.000	-	484.000	-	
1	BTXM từ đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong đến Gò Thủy Thuần - thôn Phú Hiệp		1.334.458		484.000		484.000		
IV	Nguồn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng Đ		8.505.076	-	3.357.000	3.046.000	311.000	-	
a	Nguồn vốn Trung ương		4.698.303	-	3.046.000	3.046.000	-	-	
-	Mã CTMT: 10514 (MDP 015)		4.279.303	-	2.712.000	2.712.000	-	-	
1	Sân thể thao làng Xà Tang	2024	816.530		105.000	105.000			
2	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Đình Truyền đến ruộng Đình Dem	2025	498.000		450.000	450.000			
3	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng vườn Gòn đến bên cây Trâm	2025	870.453		544.000	544.000			
4	Thảm BT nhựa từ nhà Đình Rừng đến nhà Đình Tay	2025	1.174.758		874.000	874.000			
5	Thảm BT nhựa Đường làng Kon Mon	2025	919.562		739.000	739.000			
-	Mã CTMT: 10521 (MDP 015)		419.000	-	334.000	334.000	-		
1	Thiết lập điểm ứng dụng công nghệ thông tin		75.000		25.000	25.000			
2	Giao UBND xã phân bổ chi tiết danh mục để triển khai TDA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2025	344.000		309.000	309.000			
b	Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh		3.806.773	-	311.000	-	311.000	-	
-	Mã CTMT: 20514 (MDP 025)		3.462.773	-	276.000	-	276.000	-	

1	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Đình Truyền đến ruộng Đình Dem	2025	498.000		48.000		48.000		
2	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng vườn Gòn đến bến cây Trâm	2025	870.453		58.000		58.000		
3	Thảm BT nhựa từ nhà Đình Rừng đến nhà Đình Tay	2025	1.174.758		92.000		92.000		
4	Thảm BT nhựa Đường làng Kon Mon	2025	919.562		78.000		78.000		
-	Mã CTMT: 20521 (MDP 025)		344.000		35.000		35.000		
5	Giao UBND xã phân bổ chi tiết danh mục để triển khai TDA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2025	344.000		35.000		35.000		
V	BSMT kinh phí hỗ trợ GTNT, KCHKM (Quyết định số 1		4.601.765		376.263		376.263		
V.1	Ngành, lĩnh vực: 283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi		845.034		98.663		98.663		
1	Kênh mương từ ruộng ông Kiêm đến ruộng ông Hương	2022	433.980		51.051		51.051		
2	Kênh mương Bờ Đổ	2022	129.724		14.783		14.783		
3	Kênh mương từ cầu nhà Chiếu đến ruộng ông Tuấn	2022	281.330		32.829		32.829		
V.2	Ngành, lĩnh vực: 292 - □Giao thông đường bộ		3.756.731		277.600		277.600		
1	Tuyến đường nội bộ khu dân cư Hòa Trung	2022	1.036.040		52.200		52.200		
2	Tuyến đường Gò Cây xóm 1	2022	323.406		28.000		28.000		
3	Tuyến đường ruộng ông Diệt đến ruộng ông Bạ Xóm 1 Hòa Hiệp	2022	485.111		42.000		42.000		
4	Tuyến đường từ ruộng ông Đựng đến ruộng ông Dũng	2303	282.962		24.500		24.500		
5	Tuyến đường từ nhà bà Hiến đến đồng đất cát xóm 1 Hòa Hiệp	2023	352.266		28.000		28.000		
6	Tuyến đường từ ruộng ông Lang đến ruộng ông Trung xóm 4 Hòa Hiệp	2023	1.056.749		85.400		85.400		

7	Tuyến đường từ nhà ông Bảy Có đến nhà ông Bồn Minh	2023	220.197		17.500		17.500		
VI	Ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất		192.161.203		12.893.000		12.893.000		
VI.1	Ngành, lĩnh vực: 040 - An ninh và trật tự an toàn xã hội		3.755.421		360.000		360.000		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Phú, huyện Tây Sơn		3.755.421		60.000		60.000		
2	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Tường, huyện Tây Sơn				300.000		300.000		
VI.2	Ngành, lĩnh vực: 070 - Giáo dục và đào tạo		48.358.122		7.171.000		7.171.000		
1	Trường MN Bình Tường; Hạng mục: Xây dựng 10 phòng học		9.999.122		1.341.000		1.341.000		
2	Trường MN Vĩnh An; Hạng mục: Xây dựng 03 phòng học; Khu hiệu bộ; Bếp ăn 1 chiều		6.456.513		996.000		996.000		
3	Trường MN Bình Tường; hạng mục: Phòng giáo dục thể chất + Tin/ngoại ngữ + Giáo dục nghệ thuật và Khu hiệu bộ		9.999.206		393.000		393.000		
4	Trường Mầm non Bình Tường; hạng mục: Bếp ăn một chiều, tường rào, cổng ngõ, sân nền				150.000		150.000		
5	Trường TH Bình Tường. HM: Xây dựng 04 phòng chức năng (điểm chính); Xây dựng 06 phòng học (điểm Hòa Sơn)		9.582.695		1.243.000		1.243.000		
6	Trường THCS Mai Xuân Thuồng HM: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng		5.278.202		2.653.000		2.653.000		
7	Trường THCS Mai Xuân Thuồng. HM: 04 phòng bộ môn, chức năng.		7.042.384		395.000		395.000		
VI.3	Ngành, lĩnh vực: 130 - Y tế, dân số và gia đình (Khám, ch		6.613.605		1.295.000		1.295.000		
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Tường, huyện Tây sơn		6.613.605		1.195.000		1.195.000		
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Tây Phú, huyện Tây Sơn				100.000		100.000		
VI.4	Ngành, lĩnh vực: 220 - Thể dục thể thao		-		100.000		100.000		
1	Khu liên hợp thể dục, thể thao đô thị Tây Sơn				100.000		100.000		
VI.5	Ngành, lĩnh vực: 280 - Các hoạt động kinh tế		122.967.740		2.760.000		2.760.000		

1	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới làng Xà Tang	2023-2024	3.715.558		500.000		500.000		
2	Tuyến đường giao thông kết nối khu du lịch Hầm Hồ đến khu du lịch Thác đổ, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn		30.017.049		1.070.000		1.070.000		
3	Nâng cấp đường Nam Giang đi xã Vĩnh An				200.000		200.000		
4	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh, xã Tây Phú		89.235.133		200.000		200.000		
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu liên hợp thể dục, thể thao đô thị Tây Sơn				190.000		190.000		
6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bình Tường				500.000		500.000		
7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Thác Đổ, xã Vĩnh An				100.000		100.000		
VI.6	Ngành, lĩnh vực: 340 - Hoạt động của các cơ quan quản lý		8.460.361		1.094.000		1.094.000		
1	Trụ sở làm việc HĐND & UBND xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn		8.460.361		1.094.000		1.094.000		
VI.7	Ngành, lĩnh vực: 398 - Đảm bảo xã hội khác		2.005.954		113.000		113.000		
1	Xây dựng khu Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh An	2023	2.005.954		113.000		113.000		